

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST  
Ngày 31 tháng 3 năm 2025  
“V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh

Ông Nguyễn Thái Hoà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2024/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H - VNSTEEL.

Địa chỉ: Số A, đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Cẩm V – Nhân viên.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần B.

Địa chỉ: A, đường B, tổ B, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc C – Chủ tịch HĐQT.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện của nguyên đơn bà V trình bày:**

Ngày 29/8/2017, Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H (viết tắt là công ty K) và Công ty cổ phần B (viết tắt là công ty B). sau đây gọi tắt là Công ty B) có ký kết và thực hiện hợp đồng Nguyên Tắc số 407-2017/HĐKKKD1-HAM; Phụ lục hợp đồng số 1 ngày 25/11/2017 và Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 24/01/2019. Theo thỏa thuận trong hợp đồng Công ty K bán cho Công ty B mặt hàng xi măng Nghi Sơn chủng loại PCB40, đơn vị tính bằng Tấn, đơn giá 1.650.000đ/tấn. Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty K trước ngày nhận hàng, nếu đến hạn thanh toán mà Công ty B không thanh toán đầy đủ thì phải chịu lãi suất do việc thanh toán chậm trễ là 9%/năm = 0,75%/tháng.

Thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận Công ty K đã lần lượt bán và giao hàng theo từng đơn hàng mà Công ty B đã đặt theo đúng thỏa thuận gồm các đơn hàng: Đơn hàng ngày 20/6/2019, đơn hàng ngày 06/8/2019, đơn hàng ngày 03/9/2019, đơn hàng ngày 16/10/2019 và đơn hàng ngày 15/11/2019. Đồng thời công ty K đã xuất hoá đơn cho công ty B cụ thể:

| STT                                      | Số hoá đơn | Ngày xuất hoá đơn | Số tiền phải trả (đồng) | Ngày phải trả | Số tiền đã trả (đồng) | Số tiền thực tế còn nợ (đồng) |
|------------------------------------------|------------|-------------------|-------------------------|---------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1                                        | 0001048    | 30/6/2019         | 345.266.100             | 09/7/2019     | 323.064.800           | 22.201.300                    |
| 2                                        | 0000034    | 15/8/2019         | 345.437.100             | 25/8/2019     |                       | 345.437.100                   |
| 3                                        | 0000051    | 16/9/2019         | 341.589.600             | 26/9/2019     |                       | 341.589.600                   |
| 4                                        | 0000074    | 27/10/2019        | 290.016.000             | 06/11/2019    |                       | 290.016.000                   |
| 5                                        | 0000088    | 22/11/2019        | 172.487.700             | 22/11/2019    |                       | 172.487.700                   |
| Tổng số tiền gốc còn nợ: 1.171.731.700đ. |            |                   |                         |               |                       |                               |

Sau khi giao mặt hàng bê tông cho công ty B thì công ty K đã xuất hoá đơn, gửi xác nhận công nợ cho công ty B đúng như thỏa thuận nhưng công ty B vẫn không thanh toán. Do đó, nhiều lần công ty K yêu cầu công ty B thanh toán số tiền còn nợ thì ngày 16/10/2019 đã thanh toán được số tiền 390.000.000đ; ngày 15/11/2019 thanh toán số tiền 320.000.000đ; ngày 10/9/2020 thanh toán số tiền 100.000.000đ và ngày 02/8/2021 thanh toán số tiền 100.000.000đ.

Trên cơ sở thiện chí hợp tác bên Công Ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán theo đúng quy định đã thỏa thuận. Tuy nhiên, Hoàng Anh M không hợp tác thực hiện thanh toán. Ngày 30/6/2023, Công ty K và Công ty B tiến hành

xác nhận và ký vào biên bản xác nhận công nợ, theo biên bản này Công ty B còn nợ Công ty K số tiền tiền hàng là 261.731.700đ và nợ lãi theo thoả thuận trong hợp đồng. Sau ngày ký xác nhận công nợ cho tới nay đã nhiều lần Công ty K gửi văn bản yêu cầu Công ty B thực hiện thanh toán nhưng Công ty B vẫn chưa thanh toán được số tiền nào. Công ty B không thanh toán tiền hàng là vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết và xác lập.

Vì vậy, Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà buộc Công ty B thanh toán số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 261.731.700đ (hai trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm đồng) và tiền nợ lãi theo mức lãi suất cơ bản 0,75%/tháng tính từ ngày 10/7/2019 đến ngày 31/3/2025 là số tiền 158.491.054đ (một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng).

Tổng số tiền mà Công ty B phải thanh toán là 420.222.754đ (bốn trăm hai mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng).

***\* Bị đơn là Công ty cổ phần B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên họp, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo như Tòa án đã yêu cầu.***

***\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là Công ty cổ phần B có trụ sở tại phường L, thành phố B và theo văn bản xác minh của Tòa án được Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và Đầu tư trả lời công ty này không có sự thay đổi (không sáp nhập, không làm thủ tục phá sản, không giải thể ...) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà. Đồng thời bị đơn là Công ty cổ phần B đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu của Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H. Buộc Công ty cổ phần B phải trả tiền nợ và tiền lãi cho Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H như Công

ty Cổ phần Kim Khí thành phố H yêu cầu và buộc Công ty cổ phần B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết:** Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty cổ phần B; địa chỉ trụ sở: 164, đường B, tổ B, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa A, tỉnh Đồng Nai.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là Công ty B không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, nhưng đều vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên không có ý kiến trình bày. Cho đến nay, Công ty B không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn là Công ty K đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và họ cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty B.

**[3] Về thời hiệu:** Ngày 30/6/2023, Công ty K và Công ty B tiến hành xác nhận và ký vào biên bản xác nhận công nợ nên còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

**[4] Về chứng cứ của vụ án:** Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

### **[5] Nội dung vụ án:**

[5.1]. Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty cổ phần B phải trả cho Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H số tiền 261.731.700đ tiền nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa và tiền lãi do chậm trả nợ

tính từ ngày 10/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2025) là số tiền **158.491.054đ**.

[5.2] Xét các tài liệu, chứng cứ mà Công ty K giao nộp thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp và có căn cứ, Công ty K đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: “Nguyên Tắc số 407-2017/HĐKKKD1-HAM; Phụ lục hợp đồng số 1 ngày 25/11/2017 và Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 24/01/2019 được ký kết giữa bên bán là Công ty K và bên mua là Công ty B; Bảng kê xác nhận đối chiếu công nợ ngày 30/6/2023; hóa đơn giá trị gia tăng số 000104, 0000034, 0000051, 0000074, 0000088. Tòa án đã thông báo, triệu tập Công ty B tới Tòa án làm việc nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty B không đến, cũng không ủy quyền cho ai khác đến Tòa án làm việc. Để đảm bảo quyền lợi Công ty B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, văn bản thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ mà Công ty K đã giao nộp như đã nêu ở trên và các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án đã thu thập được cho Công ty B. Đồng thời yêu cầu Công ty B trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Công ty K nhưng Công ty B không trả lời, không có ý kiến phản đối. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “ Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Công ty K đã cung cấp như đã liệt kê ở trên và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ chưa thanh toán: Công ty K đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Như vậy việc Công ty K yêu cầu công ty B phải thanh toán tiền nợ gốc là số tiền 261.731.700đ là có căn cứ.

[5.4] Về lãi suất: Tại Phụ lục hợp đồng số 1 ngày 25/11/2017 được ký kết giữa bên bán là Công ty K và bên mua là Công ty B đã ghi nhận thỏa thuận giữa hai bên về nghĩa vụ thanh toán tiền “Nếu đến hạn thanh toán mà bên B không thanh toán bất kỳ khoản tiền đến hạn nào, Bên B sẽ phải trả lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất 9%/năm = 0,75%/tháng”. Công ty K xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty B nên việc Công ty K yêu cầu Công ty B phải trả tiền lãi là phù hợp với thỏa thuận của hai bên. Mức lãi suất mà Công ty K đưa ra cũng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của Công ty K về việc buộc Công ty B phải thanh toán cho công ty K số tiền lãi do chậm thanh toán là số tiền **158.491.054đ** là có cơ sở chấp nhận.

[5.5] Như vậy, từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty K buộc Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty K cả tiền nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa và tiền lãi do chậm thanh toán là  $261.731.700đ + 158.491.054đ = 420.222.754đ$ .

[6] Về án phí: Yêu cầu của Công ty K được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.808.910đ (hai mươi triệu, tám trăm linh tám nghìn, chín trăm mười đồng).

Hoàn trả lại cho công ty K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 401 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 50; khoản 5 Điều 297; Điều 306 và Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H - VNSTEEL đối với bị đơn Công ty cổ phần B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty cổ phần B phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H - VNSTEEL số tiền 420.222.754đ (bốn trăm hai mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó, nợ tiền hàng là số tiền 261.731.700đ (hai trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là số tiền 158.491.054đ

(một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần B phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là số tiền 20.808.910đ (hai mươi triệu, tám trăm linh tám nghìn, chín trăm mười đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H - VNSTEEL số tiền tạm ứng án phí là số tiền 9.371.643đ đã nộp theo biên lai thu số 0004768 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

3. Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố H - VNSTEEL được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hoà;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

